

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/DS-PT

Ngày: 14/5/2020

V/v Tranh chấp quyền sử
dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Bùi Thị Nguyễn

Các Thẩm phán : Ông Đào Chí Keo

: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Trung Châu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:***
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 4 và ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số 213/2019/TLPT-DS, ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST, ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2020/QĐXX-PT, ngày 05 tháng 02 năm 2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa: Số 17/2020/QĐPT, ngày 28/02/2020; số 51/2020/QĐPT, ngày 25/3/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 89/QĐPT-DS, ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Trần Văn N, sinh năm 1957;

2. Bà Võ Thị N, sinh năm 1961,

Cùng cư trú: Nhà không số, tổ 20, kênh F, ấp S, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp cho ông Trần Văn N và bà Võ Thị N: Bà Lê Lâm T, sinh năm 1970, đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2018).

Cư trú: Số 213, đường Võ Thị S nổi dài, tổ 126, khóm Đ, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Hồ Văn B, sinh năm 1950,

Cư trú: Số 02, đường H, tổ 20, ấp S, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1948;

2. Chị Hồ Thị T, sinh năm 1974;

3. Chị Hồ Thị T Em, sinh năm 1979;

4. Anh Hồ Ngọc Đ, sinh năm 1982;

5. Chị Trần Thị O, sinh năm 1985;

6. Anh Hồ Trung H, sinh năm 1985;

7. Chị Lê Thị Diễm H, sinh năm 1990;

8. Cháu Hồ Ngọc Q, sinh năm 2004;

9. Cháu Hồ Ngọc M, sinh năm 2008;

10. Cháu Hồ Ngọc C, sinh năm 2018;

11. Cháu Hồ Lê Ngân K, sinh năm 2018;

Cùng cư trú: Số 02, đường H, tổ 20, ấp S, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Quang, Minh và Chính: Anh Hồ Ngọc Đ, sinh năm 1982.

Cư trú: Số 02, đường H, tổ 20, ấp S, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Khánh: Anh Hồ Trung H, sinh năm 1985,

Cư trú: Số 02, đường H, tổ 20, ấp S, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo*: Bà Võ Thị N là nguyên đơn.

Tại phiên tòa, có mặt các ông, bà: Võ Thị N, Lê Lâm T, Hồ Văn B; các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện:

- Nguyên đơn trình bày: Đất tranh chấp có nguồn gốc do ông Võ Thành T là cha của bà Võ Thị N mua của Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt UBND) xã Định Thành, huyện T theo “*Tờ mua bán*” ngày 28/6/1988. Trong “*Tờ mua bán*” ngày 28/6/1988 có ghi rõ Hợp tác xã mua bán xã Định Thành bán của hàng số 2 kinh F chiều ngang 7m, dài 13m và nhà để xe dài 03m, ngang 7m luôn cả nền. Sau khi mua, bà N là người quản lý sử dụng diện tích đất này. Năm 1998, bà

Nguyễn Thị L là chủ đất cũ khiếu nại việc UBND xã Định Thành mượn đất của bà L làm Hợp tác xã lại lấy đất bán cho bà N, được UBND huyện T giải quyết tại Quyết định số 97/QĐ.UB, ngày 04/9/1998, với nội dung UBND xã Định Thành trả thành quả lao động 112m² đất cho bà L.

Năm 2002, ông Võ Thành T được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt GCNQSDĐ) số 00397/QSDĐ/La, ngày 17/6/2002, diện tích 104,1m² (Bút lục 288). Năm 2003, ông T ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị N, nhưng thực tế là tặng cho quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất ông T được cấp GCNQSDĐ.

Ngày 09/01/2003, bà N được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ, số 00397/QSDĐ, diện tích 104,1m². Trên đất, bà N và ông Trần Văn N (Chồng bà N) có xây dựng căn nhà cấp IV diện tích 53,34m² và đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (Sau đây viết tắt GCNQSHNƠ & QSDĐƠ) số 0462/2003/HSG, ngày 23/01/2003, nhà ở diện tích xây dựng 53,34m². Liên kề với đất của ông N, bà N là nhà của ông Hồ Văn B.

Trước đây, ông B cất chòi lá để bán cháo, bị đuổi nên ông khiên chòi lá để phía đất giáp bờ kinh. Thời gian sau, ông B khiên chòi lá để lại đất trên bờ lấn sang một phần đất của bà N. Nhiều lần bà N yêu cầu ông B dời chòi lá trả đất, nhưng ông cứ hứa dần mà không thực hiện. Thời gian sau, ông B xây nền gạch ngay chòi lá. Giữa bà và ông B tranh chấp, nhưng chính quyền không giải quyết.

Năm 2017, ông B tiến hành xây dựng nhà hiện nay, lấn sang phần đất của ông N, bà N diện tích khoảng 05m². Ngay khi phát hiện, ông N, bà N đã yêu cầu ông B ngưng xây dựng, trả lại diện tích đất lấn chiếm, nhưng ông B không đồng ý. Khi UBND thị trấn N giải quyết, ông B hứa nếu xác định ông lấn chiếm đất của bà N thì ông tháo dỡ nhà trả đất.

Tại đơn khởi kiện, ông Trần Văn N và bà Võ Thị N yêu cầu ông Hồ Văn B trả lại diện tích đất 5m² (Ngang khoảng 1m x dài khoảng 10m).

Qua đo đạc thực tế, xác định diện tích đất ông B lấn chiếm là 2,9m², nên ông N, bà N điều chỉnh lại yêu cầu ông Hồ Văn B và các thành viên trong nhà ông B có trách nhiệm tháo dỡ một phần diện tích căn nhà trả lại cho ông N, bà N diện tích 2.9m² đất.

- Bị đơn ông Hồ Văn B trình bày:

Nguồn gốc đất ông ở hiện nay là do cha mẹ của ông mua lại từ ông H (không nhớ rõ tên) vào năm 1975 không có giấy tờ, trên đất có căn nhà gỗ, lợp lá.

Năm 2002, ông sửa chữa lại nhà ngang 04m dài 08m, đôn nền đổ bê tông, cột gỗ đầu.

Năm 2003, bà N mua đất này của bà Đ, trên đất có sẵn căn nhà lá; giữa nhà của ông và nhà của bà N có khoảng đất trống vì là nhà lá nên trên mỗi nhà có đầu trôi (Phân cây kèo de ra khỏi vách nhà).

Đến năm 2017, do nhà bị hư hỏng nên ông có làm đơn xin phép UBND thị trấn N, huyện T sửa chữa. Khi tiến hành sửa chữa cũng trong phạm vi nhà cũ trước đây thì vợ chồng ông N, bà N ngăn cản nói ông lấn đất yêu cầu ông ngưng sửa chữa. Sau đó, ông tiếp tục sửa nhà, xây vách kiên cố nằm trong vách nhà được xây năm 2002. Nếu đập phá bức tường này có thể sẽ sập nhà của ông.

Việc bà N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông có chỉ ranh đất và ký tứ cận nhưng không hiểu sao lại đo qua đất của ông. Ông không đồng ý việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N năm 2003, không đồng ý Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh T lập ngày 29/5/2018, nhưng ông không khiếu nại, không yêu cầu đo đạc lại.

Hiện nay, trong căn nhà gồm có các thành viên: Vợ ông là bà Lê Thị H; 5 đứa con ruột: Hồ Thị T, Hồ Thị T Em, Hồ Thị Bích Hợp, Hồ Ngọc Đ, Hồ Trung H; 02 con dâu: Trần Thị O, Trần Thị Diễm H; 04 đứa cháu: Hồ Ngọc H, Hồ Ngọc M, Hồ Ngọc C và 01 cháu nhỏ mới 4 tháng. Tuy nhiên, những người này không có công sức đóng góp gì trong việc xây dựng và sửa chữa căn nhà.

Việc ông N, bà N yêu cầu tháo dỡ một phần diện tích căn nhà trả lại diện tích 2.9m² đất, ông không đồng ý. Nếu xác định ông có lấn đất ông N, bà N thì yêu cầu Tòa án xem xét giữ nguyên hiện trạng nhà đất. Ông đồng ý trả giá trị đất cho ông N, bà N số tiền 10.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Các ông, bà: Lê Thị H, Hồ Thị T, Hồ Thị T Em, Hồ Ngọc Đ, Trần Thị O, Hồ Trung H, Lê Thị Diễm H, Hồ Ngọc Q, Hồ Ngọc M, Hồ Ngọc C, Hồ Lê Ngân K, trong quá trình giải quyết vụ án không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST, ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

“Căn cứ các Điều 158, Điều 164 Điều 166, Điều 190, Điều 191 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 9 Điều 26, Điều 91, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 202, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N, bà Võ Thị N.

Buộc ông Hồ Văn B có trách nhiệm bồi hoàn giá trị đất cho ông Trần Văn N, bà Võ Thị N số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Ông Hồ Văn B được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 2,9m² theo bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông Trần Văn N, bà Võ Thị N với ông Hồ Văn B do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh T lập ngày 29/5/2019, phần đất được giới hạn bởi các điểm 2,3,4,5,6,15,16. Đất tọa lạc tại ấp S, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang

Các đương sự liên quan có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N, bà Võ Thị N đối với diện tích 2.1m².

Buộc ông Hồ Văn B trả lại cho ông Trần Văn N, bà Võ Thị N toàn bộ chi phí tạm ứng trước để đo đạc, định giá tài sản và thẩm định tại chỗ số tiền 3.112.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Văn B phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn N, bà Võ Thị N được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0000871 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong. Nếu bên phải thi hành án không trả đủ số tiền nêu trên đúng hạn thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã, thị trấn nơi đương sự cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm”.

Ngày 29/10/2019, bà Võ Thị N kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm: Không đồng ý nhận tiền giá trị đất, yêu cầu ông Hồ Văn B dỡ nhà trả đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/4/2020, bà Võ Thị N có yêu cầu Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ vì hiện tại vách tường nhà ông B lấn chiếm đất của bà nằm phía dưới mái nhà của bà. Nếu chấp nhận Bản án sơ thẩm thì bà là người sử dụng đất hợp pháp phải tháo dỡ nhà của bà để giao đất cho ông B là không hợp lý.

Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 16/4/2020.

Ngày 08/5/2020, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả như sau: Vách tường nhà của ông B nằm trong đất thuộc quyền sử dụng của ông N, bà N, hiện tại có 03 vách: Nhìn từ phía nhà của bà N: Vách ván đã hư mục; bên trong vách ván là bức tường lững xây gạch cao 0,48m (Tính từ nền nhà hiện hữu

của bà N); bên trong tường lững là tường xây gạch không tô (Tường nhà của ông B hiện nay), chiều cao 2,7m tính từ nền nhà của ông B.

Tất cả vách, tường nhà của ông B nêu trên đều nằm phía dưới mái tôn nhà của ông N, bà N, .

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14 tháng 5 năm 2020

- Bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Về chi phí tố tụng yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Để tạo điều kiện cho ông B tháo dỡ nhà trả đất, bà N hỗ trợ cho ông B 2.000.000đ.

- Ông B đồng ý Bản án sơ thẩm. Không đồng ý nhận tiền hỗ trợ của bà N; không yêu cầu miễn án phí. Về chi phí tố tụng yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: Thời hạn kháng cáo của Võ Thị N trong hạn luật định, nên được xem xét giải quyết; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị N, sửa án sơ thẩm theo hướng buộc những người trong hộ gia đình ông B tháo dỡ nhà trả 2,9m² đất cho ông N, bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2]. Việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Các ông bà: Lê Thị H, Hồ Thị T, Hồ Thị T Em, Hồ Ngọc Đ, Trần Thị O, Hồ Trung H, Lê Thị Diễm H, Hồ Ngọc Q và Hồ Ngọc M không phải là người kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại đoạn 4, Khoản 3, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục kháng cáo: Bản án sơ thẩm được tuyên án ngày 21 tháng 10 năm 2019, đến ngày 29/10/2019, bà Võ Thị N kháng cáo là trong hạn 15 ngày theo quy định tại Khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3]. Về nội dung kháng cáo: Bà N không đồng ý nhận tiền giá trị đất, yêu cầu ông Hồ Văn B dỡ một phần nhà trả 2,9m² đất.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Hồ Văn B có nhà giáp ranh đất của bà Võ Thị N. Năm 2017, ông Hồ Văn B tiến hành sửa chữa nhà xây tường trong phạm vi đất của bà Võ Thị N được cấp GCNQSDĐ. Khi phát hiện, bà N đã gửi đơn tranh chấp đến UBND thị trấn N yêu cầu giải quyết. Tại Biên bản làm việc ngày 10/5/2017 (Bút lục 392), UBND thị trấn N đã yêu cầu ông B tạm ngưng thi

công; Biên bản hòa giải ngày 26/5/2017 (Bút lục 391) của UBND thị trấn N đối với bà N và ông B, tại Biên bản này, ông B trình bày không lấn chiếm đất của bà N, nếu sau khi đo đạc cụ thể xác định ông có xây nhà sang đất của bà N thì ông đồng ý tháo dỡ nhà trả đất cho bà N hoặc thỏa thuận hình thức khác. Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 29/5/2018 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Chi nhánh T lập (Bút lục 82) thể hiện ông B lấn chiếm 2,9m² đất của ông N, bà N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên Bản án sơ thẩm xác định ông B lấn chiếm đất của ông N, bà N là có căn cứ. Ông B không kháng cáo là đã chấp nhận Bản án sơ thẩm xác định ông lấn chiếm đất của ông N, bà N.

[5]. Việc ông B trình bày đất của bà N trước đây chỉ nêu diện tích mà không có chiều ngang, chiều dài. Hội đồng xét xử xét thấy đất tranh chấp có nguồn gốc do UBND xã Định Thành và Hợp tác xã mua bán xã Định Thành bán cho cha của bà N là ông Võ Thành T thể hiện ‘Tờ mua bán’ ngày 27/6/1988 (Bút lục 33) có nội dung: “*Hợp tác xã mua bán xã Định Thành bán cửa hàng số 2, kênh F chiều ngang 7m, dài 13m và nhà để xe dài 3m, ngang 7m luôn cả nền*” là đã thể hiện rất rõ chiều ngang, chiều dài của đất khi chuyển nhượng. Do đó, lời trình bày của ông B là không có cơ sở để chấp nhận.

[6]. Xem xét việc bà N không đồng ý nhận giá trị bằng tiền, yêu cầu ông B tháo dỡ nhà trả đất, Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm ông B xây dựng nhà năm 2017, bà N đã tranh chấp, đã có Biên bản của UBND thị trấn N yêu cầu tạm ngừng thi công, ông B đã hứa tạm ngừng, nhưng sau đó vẫn tiếp tục xây dựng trên phần đất tranh chấp là hành vi cố ý lấn chiếm. Sau khi có kết quả đo đạc, Tòa án tiến hành hòa giải, ông B vẫn giữ ý kiến nếu Tòa án xác định ông lấn chiếm đất của ông N, bà N thì ông sẽ bồi thường bằng tiền hay đập tường trả lại đất cho ông N, bà N (Bút lục 332, Biên bản hòa giải ngày 13/8/2019). Quá trình Tòa án giải quyết, giữa bà N và ông B không thỏa thuận được việc hoàn trả giá trị đất đã lấn chiếm, nên không thể buộc bà N nhận giá trị bằng tiền. Mặt khác, theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thể hiện các vách, tường nhà ông B (Trên phần đất tranh chấp) nằm phía dưới mái tôn nhà của ông N, bà N, nếu giao diện tích đất tranh chấp cho ông B thì ông N, bà N là người sử dụng đất hợp pháp phải tháo dỡ nhà để giao đất cho ông B là đã vi phạm quyền của người sử dụng đất được Nhà nước bảo hộ theo quy định tại Khoản 5, Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013.

[7]. Do đó, bà N kháng cáo yêu cầu ông B tháo dỡ một phần nhà trả 2,9m² đất là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà N; sửa án sơ thẩm: Buộc ông B và những thành viên trong gia đình ông tháo dỡ một phần nhà, trả cho ông N, bà N diện tích 2,9m² đất đã lấn chiếm được xác định bởi các điểm 2,3,4,5,6,15,16 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh T lập ngày 29/5/2018.

[8]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N đồng ý hỗ trợ cho ông B chi phí tháo dỡ nhà 2.000.000đ, nhưng ông B không đồng ý nhận, nên Hội đồng xét xử không công nhận sự tự nguyện này.

[9]. Đối với Bản án sơ thẩm, nhận định bà N khởi kiện đòi ông B trả diện tích đất 05m², sau khi đo đạc thực tế diện tích đất lấn chiếm là 2,9m² nên nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông B trả diện tích 2,9m², nên đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với diện tích 2,1m². Hội đồng xét xử nhận thấy Bản án sơ thẩm đình chỉ đối với phần yêu cầu này là chưa chính xác vì ông N, bà N khởi kiện đòi ông B trả 05m² đất, sau đó điều chỉnh yêu cầu đòi ông B và các thành viên trong hộ gia đình ông B trả 2,9 m² cũng trong phần đất này nên đây là thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trường hợp này, Hội đồng xét xử không đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện mà chấp nhận việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên sửa án sơ thẩm về cách tuyên án.

[10]. Trong hồ sơ thể hiện: Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh T lập ngày 29/5/2018 (Bút lục 82); Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án: Số TU/2016/0000871, ngày 03/01/2018, nhưng Bản án sơ thẩm ghi năm 2019 là không chính xác (Năm 2018 mà ghi thành năm 2019), cần sửa Án sơ thẩm về phần này.

[11]. Về chi phí tố tụng:

[12]. - Chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm là 2.612.000, nhưng Bản án sơ thẩm buộc ông B trả cho ông N, bà N 3.112.000đ là chưa chính xác. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N đồng ý chi phí tố tụng bà đã tạm ứng tại cấp sơ thẩm là 2.612.000, nên cần sửa án sơ thẩm buộc ông B hoàn trả cho ông N, bà N 2.612.000.

[13]. - Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Bà N đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.300.000đ. Do yêu cầu kháng cáo của bà N được chấp nhận, nên ông B phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà N chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.300.000đ

[14]. Tổng số tiền chi phí tố tụng ông B phải hoàn trả cho ông N, bà N là 4.912.000đ

[15]. Về án phí:

[16]. - Theo Biên bản định giá tài sản ngày 05/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản Tòa án nhân dân huyện Thái Sơn thì giá trị diện tích 2,9m² là 4.002.000 đồng, nên ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ. Trường hợp ông B là người cao tuổi, nếu có Đơn yêu cầu miễn án phí sẽ được miễn án phí. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B xác định không yêu cầu xin miễn án phí, nên ông B phải nộp 300.000đ như nhận định trên.

[17]. - Ông N và bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Khoản 2, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[18]. Xem xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[19]. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 2, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2, Điều 26, Điều a, Khoản 2, Điều 27 và Khoản 2, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị N;

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST, ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T:

+ Chấp nhận thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N và bà Võ Thị N từ việc đòi ông Hồ Văn B trả 05m² đất thành yêu cầu ông Hồ Văn B và các thành viên trong gia đình ông B trả 2,9m² đất.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N và bà Võ Thị N.

+ Buộc các ông, bà: Hồ Văn B, Lê Thị H, Hồ Thị T, Hồ Thị T Em, Hồ Ngọc Đ, Trần Thị O, Hồ Trung H, Lê Thị Diễm H và các cháu: Hồ Ngọc Q, Hồ Ngọc M, Hồ Ngọc C, Hồ Lê Ngân K tháo dỡ di dời một phần nhà, vật kiến trúc trả cho ông Trần Văn N và bà Võ Thị N diện tích 2,9m² (Hai thước, chín tấc vuông) đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0462/2003/HSG, ngày 23/01/2003 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Trần Văn N và bà Võ Thị N, được xác định bởi các điểm 2,3,4,5,6,15,16 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh T lập ngày 29/5/2018. Đất tọa lạc tại: Số 02, tổ 20, kênh F, ấp S, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

+ Về chi phí tố tụng: Ông B có trách nhiệm trả lại cho ông N, bà N 4.912.000 (Bốn triệu chín trăm mười hai ngàn) đồng.

+ Về án phí:

. Ông Hồ Văn B phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn) án phí dân sự sơ thẩm.

. Ông Trần Văn N và bà Võ Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm, được nhận lại 600.000 (Sáu trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án: Số TU/2016/0000871, ngày 03/01/2018 và số TU/2017/0000426, ngày 04/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong. Nếu bên phải thi hành án không trả đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Khoản 2, Điều 468

của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Đường sự;
- Lưu: HS, KTNV; TDS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Nguyễn